TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 04 – 2019
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hường
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trương Ngọc Điệp
2. Bà Trịnh Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 322/2018/TL.ST-HNGĐ, ngày 25 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXX-ST ngày 19 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn H (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp 19, xã Phong T, thị xã G, tỉnh B.

2. Bị đơn: Bà Châu Thị Đ (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp Nhơn Th, xã Nh, huyện C, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 17/12/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Trần Văn H trình bày: Ông và bà Châu Thị Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2018. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn trong cuộc sống. Vợ chồng ông không còn sống chung với nhau khoảng 02 năm. Ông H xác định không thể tiếp tục duy trì được quan hệ hôn nhân nên yêu cầu ly hôn với bà Đ. Về con chung: Ông và bà Đ có 02 con chung tên Trần Thị Bích Ng (nữ), sinh ngày 15/5/2014, Trần Thị Bích Ng (nữ), sinh ngày 03/11/2017. Các cháu hiện đang sống với ông H. Ông H yêu cầu được nuôi cháu Ng, cháu Ng và không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông H yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Châu Thị Đ trình bày: Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đồng ý ly hôn. Về con chung: Bà và ông H có 02

con chung tên Trần Thị Bích Ng (nữ), sinh ngày 15/5/2014, Trần Thị Bích Ng (nữ), sinh ngày 03/11/2017. Các cháu hiện đang sống với ông H. Bà Đ đồng ý giao cháu Ng, cháu Ng cho ông H nuôi dưỡng và không cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Đ yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51; Điều 56, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn H được ly hôn với bà Châu Thị Đ; về con chung: Giao cháu Trần Thị Bích Ng (nữ), sinh ngày 15/5/2014, Trần Thị Bích Ng (nữ), sinh ngày 03/11/2017 cho ông H nuôi dưỡng, bà Đ không có nghĩa vụ cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Văn H khởi kiện bà Châu Thị Đ yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn và nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn và nguyên đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Giữa ông H, bà Đ xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp trên cơ sở giấy đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa ông H, bà Đ phát sinh mâu thuẫn. Ông H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng hay bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung và thường xuyên cãi nhau. Bà Đ cho rằng vợ chồng không còn tình cảm, không thể hàn gắn nên đồng ý ly hôn. Ông H, bà Đ hiện đã không còn chung sống với nhau đã 02 năm. Từ những chứng cứ nêu trên cho thấy, mâu thuẫn giữa ông H, bà Đ là trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Hiệp.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con chung của ông H, Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Ng và cháu Ng từ nhỏ đã sống chung với gia đình ông H, sau khi vợ chồng không còn sống chung thì các cháu do ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Đ cũng đồng ý giao cháu Ng và cháu Ng cho ông Hiệp tiếp tục nuôi dưỡng nên ghi nhận. Ông H không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên bà Đ không có nghĩa vụ cấp dưỡng. Bà Đ có quyền thăm nom, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông H, bà Đ xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này giữa ông H, bà Đ phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[6] Từ những tình tiết, chứng cứ nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Ông H phải chịu án dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn H được ly hôn với bà Châu Thị Đ.

Về con chung: Giao cháu Trần Thị Bích Ng (nữ), sinh ngày 15/5/2014, Trần Thị Bích Ng (nữ), sinh ngày 03/11/2017 cho ông H nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà Đ không có nghĩa vụ cấp dưỡng. Bà Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn H phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai số 0018623 ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí dân sự sơ thẩm (ông H đã nộp xong).

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Phong Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hường